

Số: 207a/TB-MNTL

Tràng Lương, ngày 05 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

"V/v công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III- năm 2021 "

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán ngân sách năm 2021,

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách Quý III- năm 2021 của trường Mầm non Tràng Lương.

Nhà trường thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III- năm 2021 theo biểu thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý III- năm 2021 (kèm theo biểu mẫu số 03 ngày 05/10/2021).

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Địa điểm niêm yết:

- + Bảng tin phòng hội đồng trường Mầm non Tràng Lương.
- + Địa chỉ trang điện tử: mntrangluong@dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phong

Trăng Lương, ngày 05 tháng 10 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2021
(Kèm theo TB số 207a/TB-MNTL ngày 05/10/2021 của Trường mầm non Trăng Lương)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều " về việc giao dự toán ngân sách năm 2021",

Trường Mầm non Trăng Lương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2021 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2021	Thực hiện quý III năm 2021	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí	35.000.000			
1	Học phí	35.000.000	0	0	
2	Thu sự nghiệp khác	0	0	0	
	Tiền ăn + chất đốt + chi phí gián tiếp		0	#DIV/0!	
	Tiền chăm sóc trẻ ngoài giờ theo quy định			#DIV/0!	
	Tiền vệ sinh chung			#DIV/0!	
	Tiền cấp dưỡng			#DIV/0!	
	Tiền nước sạch			#DIV/0!	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	35.000.000		#DIV/0!	
1	Học phí		0	0	
	Mục 6000: Tiền lương	14.000.000	0	#DIV/0!	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng			0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng			#DIV/0!	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc			#DIV/0!	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.		0	#DIV/0!	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	21.000.000		#DIV/0!	
				0	

2	Chi từ hoạt động sự nghiệp khác	0	0	#DIV/0!	
	Tiền ăn + chất đốt + chi phí gián tiếp			#DIV/0!	
	Tiền chăm sóc trẻ ngoài giờ theo quy định			#DIV/0!	
	Tiền vệ sinh chung			#DIV/0!	
	Tiền cấp dưỡng			#DIV/0!	
	Tiền nước sạch			#DIV/0!	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.692.000.000	1.946.709.038	72	61,9
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.692.000.000	1.946.709.038	72	61,9
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2.220.000.000</u>	<u>1.622.398.194</u>	73	113,7
	Mục 6000: Tiền lương	1.188.000.000	830.586.758	70	100,8
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6100: Phụ cấp lương	600.000.000	563.593.786	94	94,0
	Mục 6200: Tiền thưởng	12.000.000	9.387.000	78	0,0
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	-		#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	420.000.000	218.830.650	52	98,0
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			#DIV/0!
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>460.000.000</u>	<u>305.198.844</u>	66	68,0
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	40.000.000	61.124.244	153	72,3
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	40.000.000	14.260.000	36	237,3
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	6.000.000	198.000	3	100,0
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000			#DIV/0!
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	7.270.000	36	159,8
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	64.000.000	46.666.800	73	100,0
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	180.000.000	101.015.000	56	59,8
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	90.000.000	53.064.800	59	65,0
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	21.600.000	216	49,1
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>12.000.000</u>	<u>19.112.000</u>	159	107,6

	Mục 7750: Chi khác	12.000.000	19.112.000	159	107,6
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			#DIV/0!	#DIV/0!
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.			#DIV/0!	#DIV/0!



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phong

